

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22825805] - Thực tập trang bị điện
(CCQ2305D)

CBGD: Nguyễn Thị Hạnh (280025)

Số SV có mặt: 18

Số bài thi: ...18 ..

Số tờ giấy thi: 18

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123050181	Đỗ Phạm Nhật An	04/05/2005	CCQ2305D			9,3	80	8,5
2	2123050162	Nguyễn Ngọc Gia Bảo	29/10/2005	CCQ2305D					
3	2123050142	Đỗ Thanh Cao	22/06/2005	CCQ2305D			6,5	70	6,8
4	2123050188	Châu Du Dân	18/05/2005	CCQ2305A					
5	2123050171	Nào Văn Diên	02/05/2005	CCQ2305D			5,5	6,5	6,1
6	2123050189	Lê Thanh Đồng	18/06/2005	CCQ2305D					
7	2123050217	Bùi Quốc Duy	06/01/2004	CCQ2305D			8,0	70	7,4
8	2123050167	Đặng Đức Duy	08/11/2005	CCQ2305D			7,8	70	7,3
9	2123050140	Nguyễn Phạm Mạnh Duy	30/09/2005	CCQ2305D			5,0	7,5	6,5
10	2123050146	Lê Tuấn Hào	21/12/2005	CCQ2305D					
11	2123050190	Trần Hữu Nam Khánh	19/11/2005	CCQ2305D			5,0	6,0	5,0
12	2123050179	Thạch Hoàng Linh	12/10/2004	CCQ2305D			9,0	60	7,2
13	2123050169	Đặng Hoài Nam	22/08/2005	CCQ2305D					
14	2123050141	Vũ Xuân Nguyên	16/11/2005	CCQ2305D			7,5	70	7,2
15	2123050143	Cao Lâm Triều Phát	19/01/2004	CCQ2305D			7,8	70	7,3
16	2123050147	Phạm Huỳnh Phúc	18/02/2005	CCQ2305D			9,0	70	7,8
17	2123050158	Quảng Đại Sang	19/10/2005	CCQ2305D			7,5	70	7,2
18	2123050157	Trương Ngọc Thái	04/09/2005	CCQ2305D			6,8	7,5	7,2
19	2123050191	Võ Triệu Thiên	01/05/2005	CCQ2305D			8,5	80	8,2
20	2123050187	Phạm Công Tiến	20/04/2005	CCQ2305D			7,0	70	7,0
21	2123050164	Nguyễn Lê Thành Trung	19/06/2005	CCQ2305D			7,0	80	7,6
22	2123050148	Bùi Đan Trường	13/04/2005	CCQ2305D			6,5	70	6,8
23	2123050159	Châu Ngọc Tuy	05/01/2005	CCQ2305D			7,3	80	7,7

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22825807] - Thực tập trang bị điện
(CCQ2315A)

CBGD: Nguyễn Thị Hạnh (280025)

Số SV có mặt: 14

Số bài thi: 14

Số tờ giấy thi: 14

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123150067	Lê Nhật Anh	25/08/2005	CCQ2315B			7.5	7.0	7.2
2	2123150044	Lê Đình Chương	15/05/2005	CCQ2315B			7.8	6.0	6.7
3	2123150056	Nguyễn Ngọc Tiến Đạt	05/02/2005	CCQ2315B			6.5	7.0	6.8
4	2123150054	Trần Thành Đạt	19/05/2005	CCQ2315B			6.8	8.5	7.8
5	2123150043	Huỳnh Quốc Duy	11/09/2003	CCQ2315B			8.0	8.5	8.3
6	2123150035	Trần Minh Hồ	06/05/2005	CCQ2315A					
7	2123150045	Nguyễn Đức Hoà	07/09/2005	CCQ2315B			7.0	7.5	7.3
8	2123150007	Lê Thanh Huy	28/03/2005	CCQ2315A			5.0	7.0	6.2
9	2123150092	Nguyễn Hoàng Bảo Khanh	07/03/2005	CCQ2315C					
10	2123150037	Trần Hoài Linh	13/09/2005	CCQ2315A			6.5	7.5	7.1
11	2123150099	Bùi Tấn Lộc	02/09/2003	CCQ2315C			5.0	5.0	5.0
12	2123050130	Nguyễn Thanh Phúc	25/03/2004	CCQ2305C					
13	2123150063	Phan Huy Sang	08/03/2005	CCQ2315B			7.0	7.5	7.3
14	2123150062	Nguyễn Minh Thắng	23/10/2005	CCQ2315B					
15	2123150016	Trần Ngọc Thanh	29/12/2005	CCQ2315A			6.8	7.5	7.2
16	2123150038	Trào Công Trình	20/10/2005	CCQ2315B			6.3	7.5	7.0
17	2123150032	Phạm Quang Trường	01/01/2005	CCQ2315A					
18	2123150049	Nguyễn Ngọc Tường	26/01/2005	CCQ2315B			7.3	7.0	7.1
19	2123150048	Vũ Khắc Tường	22/08/2005	CCQ2315B			7.3	7.5	7.4

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22825806] - Thực tập trang bị điện
(CCQ2305E)

CBGD: Nguyễn Thị Hạnh (280025)

Số SV có mặt: 15...

Số bài thi: 15...

Số tờ giấy thi: 15...

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123050216	Nại Hoàng	Chương	11/02/2004	CCQ2305E		Chua	5,5	6,0	5,8
2	2123110121	Nguyễn Thanh	Đông	16/07/2005	CCQ2305E					
3	2123050205	Đỗ Thế	Đức	24/09/2005	CCQ2305E		R.	5,0	5,0	5,0
4	2123050220	Võ Trương	Đức	19/05/2005	CCQ2305E		Đức	7,8	8,5	8,1
5	2123050196	Hán Tấn	Duy	26/03/2005	CCQ2305E		Du	5,0	7,5	6,5
6	2123050202	Mai Nhật	Hào	23/11/2004	CCQ2305E		mai	5,0	6,0	5,6
7	2123050228	Phạm Quang	Huy	08/06/2005	CCQ2305E		Huy	6,5	6,0	6,2
8	2123050199	Sử Ngọc	Khoa	21/06/2005	CCQ2305E		K.	7,0	6,5	6,7
9	2123050219	Phan Trọng	Khôi	04/07/2005	CCQ2305E					
10	2123050198	Phạm Thanh	Liêm	23/08/2004	CCQ2305E					
11	2123050209	Hoàng Đăng	Luật	26/09/1996	CCQ2305E		Lu	5,0	5,0	5,5
12	2123050051	Bùi Hải	Phong	10/02/2005	CCQ2305B		Phong	5,0	8,0	6,8
13	2123050063	Cao Xuân	Phong	24/10/2005	CCQ2305B		Ph	6,8	7,0	6,9
14	2123050227	Báo Tuấn	Phương	25/10/2005	CCQ2305E		Ph	5,0	5,0	5,0
15	2123050091	Trần Anh	Quân	26/12/2005	CCQ2305B		Qua	5,0	6,0	5,6
16	2123050067	Nguyễn Đoàn Trường	Son	28/10/2005	CCQ2305B		Son	8,0	8,0	8,0
17	2123050230	Trịnh Công	Son	11/10/2005	CCQ2305E					
18	2123050195	Vũ Tiến	Thanh	30/09/2005	CCQ2305E		Thanh	7,0	8,0	7,6
19	2123050223	Trần Nhật	Thịnh	15/02/2005	CCQ2305E					
20	2123050207	Nguyễn Phước	Tiến	20/01/2002	CCQ2305E					